

BẢNG SO SÁNH MỨC CHI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng 5 năm 2026 của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu)

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
A	PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG					
I	Phạm vi điều chỉnh					
		Thông tư này hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; kinh phí thực hiện Đề án/Dự án về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.	Quy định này quy định về mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ cho luân chuyển cán bộ, công chức được cơ quan có thẩm quyền quyết định luân chuyển giữa các cơ quan, đơn vị khối đảng, nhà nước, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; luân chuyển từ tỉnh về huyện, thành phố và ngược lại, luân chuyển từ huyện, thành phố về xã, phường, thị trấn và ngược lại; giữa các huyện, thành phố; giữa các xã, phường, thị trấn.	Quy định này quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.	a) Nghị quyết này quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu. Trường hợp, các chương trình/đề án/dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của chương trình/đề án/dự án đó. b) Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.	Bổ đối tượng " Cán bộ " để phù hợp với phạm vi điều chỉnh quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.
		Trường hợp, các Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Đề án/ Dự án đó.	Không quy định	Trường hợp, các Chương trình/Đề án/Dự án có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Chương trình/Đề án/Dự án đó.		
II	Đối tượng áp dụng					
		a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;				
		b) Công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh); ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là cấp huyện); công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;	a) Cán bộ, công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã); những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức).	a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã;	a) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh, cấp xã;	Bổ đối tượng " cán bộ " đảm bảo đúng đối tượng được quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
		c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;				
		d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố ở phường, thị trấn;				
		d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;	b) Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.	b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.	b) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.	Theo quy định của Thông tư số 100/2025/TT-BTC
		Dưới đây các đối tượng tại điểm a, b, c, d Khoản này được gọi chung là cán bộ, công chức (CBCC); các đối tượng tại điểm đ Khoản này gọi chung là viên chức.				

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
					c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Bổ sung thêm đối tượng này cho phù hợp và bảo đảm đầy đủ với nội dung dự thảo Nghị quyết, vì: nội dung chi bao gồm công chức, viên chức, giảng viên, báo cáo viên, cán bộ không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố; cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp; các cơ quan đơn vị cử công chức đi đào tạo, bồi dưỡng
			2. Đối tượng luân chuyển: Cán bộ, công chức được cấp có thẩm quyền quyết định luân chuyển.			Bổ không quy định, vì đây là chính sách không thuộc đối tượng quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC
B	NỘI DUNG MỨC CHI					
I	Nội dung và mức chi đào tạo công chức trong nước			Điều 2. Nội dung và mức chi đào tạo công chức trong nước		
1	Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi phí bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo	Theo hoá đơn của cơ sở đào tạo nơi CBCC được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết;	Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng do cấp có thẩm quyền ký kết	Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi công chức được cử đi đào tạo hoặc theo hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết;	Thực hiện theo Thông tư	Dự thảo Nghị quyết không quy định nội dung chi máy mà thực hiện theo Thông tư, do các khoản chi này đã được Thông tư quy định cụ thể về mức hỗ trợ theo hóa đơn thực tế; vì vậy không cần thiết phải quy định lại trong Nghị quyết.
2	Chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc	Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp thù trường cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo cho phù hợp.	Không quy định (thực hiện theo Thông tư)	Căn cứ khả năng ngân sách được giao, căn cứ vào chứng từ, hóa đơn hợp pháp thù trường cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập bắt buộc cho đối tượng được cử đi đào tạo cho phù hợp;	Thực hiện theo Thông tư	
3	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho công chức trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho CBCC được cử đi đào tạo các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	1. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung (đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố) a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người. b) Ngoài tỉnh: 60.000 đồng/ngày/người. 2. Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ nơi đăng ký thường trú đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết) nếu tự túc bằng phương tiện cá nhân: Mức chi theo điểm a khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND) hoặc theo giá vé phương tiện vận chuyển công cộng.	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ cho công chức được cử đi đào tạo các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC).	1. Chi hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ cho học viên trong thời gian đi học tập trung (có khoảng cách từ trụ sở cơ quan công tác đến cơ sở đào tạo từ 15 km trở lên) a) Tiền ăn: 150.000 đồng/người/ngày thực học. b) Chi phí đi lại (một lượt đi và về; nghỉ lễ, tết): Thanh toán theo giá vé xe vận tải hành khách công cộng. Đối với những nơi không có hình thức khoán tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km và tính theo giá xăng tại thời điểm đi lại.	- Mức hỗ trợ tiền ăn được xác định bằng 50% mức chi chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh, do thời gian đi học tập trung thường nhiều ngày và đây là khoản hỗ trợ nhằm bù đắp một phần chi phí cho công chức, không phải là chế độ công tác phí nên không áp dụng mức chi 100%. Theo quy định của Thông tư số 100/2025/TT-BTC

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
					c) Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): 1.000.000 đồng/người/tháng. Trường hợp các lớp mà thời gian học tập trung trong tháng dưới 15 ngày thì được tính hỗ trợ là ½ tháng (một phần hai tháng) và thời gian học tập trung trong tháng từ 15 ngày trở lên thì được tính hỗ trợ là 01 tháng.	Áp dụng bằng mức chi hỗ trợ thuê chỗ nghỉ quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 5 Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.
4	Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo	Chi hỗ trợ các cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử đi đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc; kinh phí hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ, là người dân tộc thiểu số bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức.	Không quy định (thực hiện theo Thông tư)	d) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc. Kinh phí hỗ trợ bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị quản lý công chức.	2. Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức hỗ trợ: 300.000 đồng/người/tháng. Trường hợp các lớp mà thời gian học tập trung trong tháng dưới 15 ngày thì được tính hỗ trợ là ½ tháng (một phần hai tháng) và thời gian học tập trung trong tháng từ 15 ngày trở lên thì được tính hỗ trợ là 01 tháng.	Áp dụng bằng mức chi hỗ trợ thuê chỗ nghỉ quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.
II	Nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước					
1	1. Các nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng công chức, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện.				Điều 3. Nội dung và mức chi bồi dưỡng công chức trong nước	
1.1	Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên	Tùy theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng CBCC quyết định mức chi thù lao cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao. Mức chi thù lao tối đa: 2.000.000 đồng/người/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học);	1. Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên Mức chi thù lao đối với giảng viên, báo cáo viên tính theo một buổi giảng bằng 4 tiết học (bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng), cụ thể: a) Giảng viên, Báo cáo viên là: Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương: 2.000.000 đồng/người/buổi. b) Giảng viên, Báo cáo viên là: Thủ trưởng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các chức danh tương đương, Giáo sư, Chuyên gia cao cấp, Tiến sỹ khoa học: 1.600.000 đồng/người/buổi. c) Giảng viên, Báo cáo viên là: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Vụ trưởng và tương đương, Phó Vụ trưởng thuộc Bộ và tương đương, Phó Giáo sư, Tiến sỹ: 1.300.000 đồng/người/buổi. d) Giảng viên các trường đại học; báo cáo viên cấp tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.000.000 đồng/người/buổi. e) Giảng viên các trường cao đẳng, báo cáo viên cấp huyện và các đối tượng khác được mời tham gia giảng dạy các lớp đào tạo, bồi dưỡng: 800.000 đồng/người/buổi.	Tùy theo đối tượng, trình độ học viên, căn cứ yêu cầu chất lượng khóa bồi dưỡng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng công chức quyết định mức chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao - Giảng viên, báo cáo viên tối đa: 4.000.000 đồng/người/buổi - Trợ giảng tối đa: 2.000.000 đồng/người/buổi	1. Các nội dung chi do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp bồi dưỡng công chức, giao nhiệm vụ biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng thực hiện. a) Chi tiền công giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên (bao gồm cả tiền công soạn giáo án bài giảng; một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học) - Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Bộ trưởng; Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương (tính theo phụ cấp chức vụ): 4.000.000 đồng/người/buổi. - Giảng viên, báo cáo viên là Thủ trưởng; Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương (tính theo phụ cấp chức vụ); Giáo sư; Tiến sỹ; Chuyên gia cao cấp: 3.000.000 đồng/người/buổi. - Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các chức danh tương đương (tính theo phụ cấp chức vụ); Phó Giáo sư: 2.000.000 đồng/người/buổi. - Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Giám đốc, Phó Giám đốc sở; thủ trưởng, phó thủ trưởng ban, ngành cấp tỉnh và các chức danh tương đương (tính theo phụ cấp chức vụ): 1.000.000 đồng/người/buổi. - Mức chi tiền công đối với trợ giảng: Bằng 50% mức chi tiền công của giảng viên, báo cáo viên của cùng một buổi giảng.	Tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC giao quyền cho Thủ trưởng đơn vị chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng tự thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao và không vượt mức chi tối đa: Mức chi tiền công đối với giảng viên, báo cáo viên là 4.000.000 đồng/người/buổi; mức chi tiền công đối với trợ giảng tối đa là: 2.000.000 đồng/người/buổi. Do đó, để đảm bảo tính công bằng, minh bạch, rõ ràng, dễ kiểm soát; thống nhất; thuận lợi cho việc lập dự toán, cơ quan soạn thảo đề xuất: Biên tập kế thừa lại nội dung quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển công chức trên địa bàn tỉnh, điều chỉnh mức chi và có điều chỉnh tăng mức chi cho phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC.

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
1.2	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, báo cáo viên	Tùy theo địa điểm, thời gian tổ chức lớp học, các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng CBCC quyết định chi phụ cấp tiền ăn cho giảng viên phù hợp với mức chi phụ cấp lưu trú được quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản của Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên: Mức chi theo điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC	b) Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: 300.000 đồng/người/ngày.	Đề xuất bằng mức chi chế độ công tác phí quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND và đảm bảo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
1.3	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại cho giảng viên, báo cáo viên	Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định hiện hành tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và văn bản của Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn thực hiện Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.	Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên (Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê): Mức chi theo điểm a và điểm c khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC	c) Chi phí thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên: Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên, trợ giảng, báo cáo viên trong nước mà phải đi thuê thì được chi theo mức chi quy định như sau: - Chi thanh toán phương tiện đi lại: Thanh toán theo hóa đơn thực tế. - Chi thanh toán tiền thuê phòng nghỉ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá mức chi quy định tại tiết 4 điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.	Theo quy định của Thông tư số 100/2025/TT-BTC và có dẫn chiếu bằng mức chi theo quy định của địa phương.
1.4	Chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại đối với trợ giảng	Không quy định		Đối với các khóa bồi dưỡng công chức yêu cầu có trợ giảng, tùy theo mức độ cần thiết, thủ trưởng cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định số lượng trợ giảng và được chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại đối với trợ giảng trong phạm vi dự toán của cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng theo mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;		
1.5	Chi dịch thuật	Thực hiện mức chi dịch thuật hiện hành quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.	Không quy định	Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;	d) Chi dịch thuật: Thực hiện theo mức chi dịch thuật quy định tại Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.	Theo quy định của Thông tư số 100/2025/TT-BTC và có dẫn chiếu bằng mức chi theo quy định của địa phương.
1.6	Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học:	Áp dụng mức chi nước uống tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	10.000 đồng/người/ngày.	Áp dụng mức chi giải khát giữa giờ tổ chức các cuộc hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;	5. Chi giải khát giữa giờ phục vụ lớp học: 20.000 đồng/người/buổi.	Áp dụng bằng 50% mức chi giải khát giữa giờ tổ chức các cuộc hội nghị quy định tại Nghị quyết số 67/2026/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, tăng 04 lần so với mức chi cũ quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND. Lý do đề xuất mức bằng 50%, do thời gian đi học tập trung thường nhiều ngày với có nhiều người tham gia bồi dưỡng (từ 50 -284 người/lớp) và đây là khoản hỗ trợ nhằm bù đắp một phần chi phí cho công chức, không phải là chế độ công tác phí nên không áp dụng mức chi 100%.

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
1.6	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi	Áp dụng mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư liên tịch số 66/2012/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 26/4/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham gia các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực.	Áp dụng mức chi theo quy định kèm theo Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh.	Áp dụng mức chi tiền công ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông; thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng quyết định mức cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;	e) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi: Áp dụng mức chi tiền công ra đề thi, coi thi, chấm thi quy định tại Nghị quyết số 56/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định nội dung, mức chi cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi tại các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết số 102/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu; thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức các khóa bồi dưỡng căn cứ dự toán được giao quyết định mức cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.	Theo quy định của Thông tư số 100/2025/TT-BTC và có dẫn chiếu bằng mức chi theo quy định của địa phương.
1.7	Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc:	Căn cứ khả năng nguồn kinh phí, căn cứ số lượng học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc của từng lớp, cơ sở đào tạo được quyết định chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc theo mức tối đa không quá 200.000 đồng/học viên.	Không quy định (thực hiện theo Thông tư)	Mức tối đa không quá 400.000 đồng/học viên	f) Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc - Học viên đạt loại xuất sắc: 400.000 đồng/học viên/khóa bồi dưỡng. - Học viên đạt loại giỏi: 300.000 đồng/học viên/khóa bồi dưỡng.	Loại xuất sắc bằng mức quy định tại Thông tư số 100/TT-BTC; loại giỏi bằng 75% mức xuất sắc. Việc chia hai mức thưởng nhằm: Phân loại rõ ràng thành tích học tập. Bảo đảm khen thưởng tương xứng với kết quả đạt được.
1.8	Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành				g) Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành	
-	Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;	Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế;	- Chi trả tiền phương tiện đưa, đón học viên đi khảo sát, thực tế: Theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
-	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong những ngày đi thực tế:	Do Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cơ sở đào tạo, bồi dưỡng quyết định mức hỗ trợ phù hợp với mức chi công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và phải bảo đảm trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.	Hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế bằng 50% mức chi quy định điểm b khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2017.	Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC	- Hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong những ngày đi thực tế: 150.000 đồng/người/ngày.	- Được xác định bằng 50% mức chi chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh, do số lượng học viên nhiều và đây là khoản hỗ trợ nhằm bù đắp một phần chi phí cho công chức, không phải là chế độ công tác phí nên không áp dụng mức chi 100%.
-	Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ			Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC	- Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Đi thực tế ngoài tỉnh: 300.000 đồng/người/ngày; đi thực tế trong tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.	
1.9	Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo				h) Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo	

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
	Hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong những ngày đi thực tế:	Không quy định	a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người. b) Ngoài tỉnh: 60.000 đồng/ngày/người.	Không quy định	- Chi hỗ trợ một phần tiền ăn: Mức chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này	Hiện nay, Thông tư số 100/2025/TT-BTC chưa quy định chế độ hỗ trợ tiền ăn đối với đối tượng là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trong thời gian tham gia học tập trung tại cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, nội dung chi này đã được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, do đó tiếp tục kế thừa nội dung chi quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND và có điều chỉnh tăng mức hỗ trợ bằng mức hỗ trợ tiền ăn của công chức được cử đi đào tạo là phù hợp và đảm bảo đúng quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước .
-	<i>Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết)</i>	Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố ở phường, thi trấn trong những ngày đi tập trung học tại cơ sở đào tạo các khoản: Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết); chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ;	<i>Theo hóa đơn thực tế</i>	<i>Theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC</i>	- Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết): Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.	
-	<i>Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ</i>		a) Trong tỉnh: 50.000 đồng/ngày/người. b) Ngoài tỉnh: 80.000 đồng/ngày/người.		- Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: Mức chi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.	Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
3	Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử công chức đi bồi dưỡng thực hiện.				2. Các nội dung chi do cơ quan, đơn vị cử công chức đi bồi dưỡng thực hiện: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định mức chi hỗ trợ từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác của mình để hỗ trợ công chức những nội dung chi sau:	
a)	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung				a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết); Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ); Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho công chức được cử đi bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này phù hợp với quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC;	
b)	Chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết)	Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị cử cán bộ, công chức, viên chức đi học sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho CBCC được cử đi đào tạo, bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Các khoản chi hỗ trợ này phù hợp với mức chi hiện hành của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn cho học viên trong thời gian đi học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết); chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ); Mức chi theo khoản 3, 4 và 5 Điều 3 của Quy định này.			
c)	Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)				a) Chi hỗ trợ một phần tiền ăn trong thời gian đi học tập trung; chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về, nghỉ lễ, nghỉ tết); Chi thanh toán tiền thuê chỗ nghỉ cho học viên trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở bồi dưỡng (trong trường hợp cơ sở bồi dưỡng và đơn vị tổ chức bồi dưỡng xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ); Căn cứ địa điểm tổ chức lớp học và khả năng ngân sách, các cơ quan, đơn vị quản lý công chức sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí hợp pháp khác để hỗ trợ cho công chức được cử đi bồi dưỡng các khoản chi phí nêu trên đảm bảo nguyên tắc: Mức chi hỗ trợ không vượt mức chi quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.	TTheo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
	d) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc:	- Chi hỗ trợ đối với CBCC, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.	Không quy định (thực hiện theo Thông tư)	Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc:	b) Chi hỗ trợ các công chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc: Mức chi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.	
III	Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức	Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức quy định tại Điều 4 Thông tư này và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với CBCC quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 5 Thông tư này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.	Căn cứ dự toán thu, chi được cấp có thẩm quyền giao cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại cơ quan, đơn vị; căn cứ nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức quy định tại Điều 3, 4 và 5 của Quy định này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.	Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập; căn cứ nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	Điều 4. Nội dung và mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức Căn cứ nguồn lực tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập và mức chi đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Điều 2, Điều 3 Nghị quyết này, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và không vượt mức chi quy định tại Nghị quyết này.	Theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 100/2025/TT-BTC
IV	Mức chi tổ chức các hội nghị tập huấn, chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức				Điều 5. Nội dung và mức chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	
1	Chi tổ chức các hội nghị tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phù hợp với vị trí việc làm sử dụng nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị;	Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.	Không quy định, thực hiện theo Thông tư	Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.	1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên: Thực hiện theo khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.	
		Căn cứ nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức được cấp có thẩm quyền giao hàng năm, Bộ, cơ quan trung ương, địa phương quyết định việc phân bổ kinh phí cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý về công tác đào tạo, bồi dưỡng của toàn ngành, của địa phương để chi cho các nội dung: chi khảo sát, điều tra, xây dựng, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng và các chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng CBCC, viên chức.	Không quy định, thực hiện theo Thông tư	Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.	2. Các nội dung chi tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng (ngoài nội dung, mức chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên): Thực hiện theo nội dung, mức chi tổ chức hội nghị quy định tại khoản 2, 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.	Theo quy định tại Điều 5, 6 Thông tư số 100/2025/TT-BTC và có dẫn chiếu bằng mức chi theo quy định của địa phương.
			Không quy định, thực hiện theo Thông tư	Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.	Điều 6. Nội dung và mức chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức	
2	Chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng			Thực hiện theo nội dung chi, mức chi quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.	1. Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 67/2025/NQ-HĐND.	

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
3	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng			Áp dụng mức chi quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia;	2. Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức: Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Quy định nội dung, mức chi các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh.	
	3. Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức:			Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.	3. Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng công chức: Thanh toán theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ theo quy định hiện hành.	
V	Nguồn kinh phí thực hiện				Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện	
		1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.	1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức; đóng góp của cán bộ, công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.	1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng công chức theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; kinh phí của cơ quan quản lý, đơn vị sử dụng công chức; đóng góp của công chức; tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.	1. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp, kinh phí chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị, nguồn thu phí được để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).	
		2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.	2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.	2. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức đóng góp, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.	2. Đối với kinh phí thực hiện chế độ bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2026, các cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.	
		a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;		
		b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được bố trí kinh phí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao hằng năm, nguồn thu hoạt động sự nghiệp, nguồn thu khác (nếu có) và Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;	b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ nguồn tài chính của đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.		
		c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ các nguồn tài chính của đơn vị; từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, kinh phí do đơn vị tự đảm bảo từ các nguồn tài chính của đơn vị; từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và các nguồn khác theo quy định của pháp luật (nếu có) theo quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo các Chương trình/Đề án/Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình/Đề án/Dự án đó.		

STT	Nội dung	Thông tư số 36/2018/TT-BTC và Thông tư số Thông tư số 06/2023/TT-BTC	Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, NQ số 12/2022/NQ-HĐND và NQ số 42/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Lai Châu	Mức chi theo quy định tại Thông Tư số 100/2025/TT-BTC	Mức chi đề xuất tại dự thảo Nghị quyết	Ghi chú
		3. Trường hợp kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo các Chương trình, Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn kinh phí thực hiện theo các Chương trình, Đề án đó.	3. Kinh phí chi hỗ trợ luân chuyển: Chi từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc cấp nào thì ngân sách cấp đó đảm bảo và do cơ quan có cán bộ được luân chuyển đến trực tiếp chi trả”.	4. Các cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập chủ động bố trí kinh phí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho công chức, viên chức là nữ, ưu tiên nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo các chính sách, chế độ quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.		
		4. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động bố trí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và nguồn kinh phí khác để hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.		5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng các đối tượng khác áp dụng Thông tư này do cá nhân, nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật.		
		5. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng đối với các đối tượng khác áp dụng Thông tư này do cá nhân, nguồn kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị và các nguồn kinh phí hợp pháp khác bảo đảm theo quy định của pháp luật				
<p>Những nội dung không được quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và các văn bản pháp luật khác có liên quan</p>						

